TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22- 4 - 2020
V/v: *Yêu cầu không công nhận vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Lam;
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Kha Thị Hoan;
Ông Lương Khăm Niên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Thị Ái - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V Th X, sinh năm: 1986 (Có mặt tại phiên toà).
Nơi đăng ký HKTT: Bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Bản Q Th, xã T Đ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
2. Bị đơn: Anh K V C, sinh năm: 1986 (Có mặt tại phiên toà).
Địa chỉ: Bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tiếp theo ở giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị V Th X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V Th X và anh K V C tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chị X và anh C chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân là do anh K V C nghiện ma túy, thường

xuyên xúc phạm, đánh đập chị và hai người đã ly thân một thời gian dài. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị X yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị X và anh C có 02 con chung là cháu Kh Th M Ch, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2010 và cháu Kh H Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012, chị X yêu cầu được nuôi cháu Kha Thị Mày Chi, còn cháu Kha Hải Đăng do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V Th X và anh K V C tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời và tại phiên tòa bị đơn anh K V C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như lời chị X trình bày, Nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như lời chị X trình bày mà do chị X không chung thuỷ khi anh đi làm ăn xa và hai người đã ly thân từ cuối năm 2019, cho đến nay anh vẫn còn yêu thương chị X nên không đồng ý ly hôn và mong muốn chị X suy nghĩ lại để đăng ký kết hôn tiếp tục đoàn tụ gia đình.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C đồng ý với ý kiến chị X. Nếu chị X vẫn nhất quyết yêu cầu Toà án không công nhận là vợ chồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh nhất trí với ý kiến chị X và không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục. Các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V Th X, không công nhận chị V Th X và anh K V C là vợ chồng. Về con chung giao cháu Kha Thị Mày Chi cho chị V Th X, giao cháu Kha Hải Đăng cho anh K V C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai bên; Về tài sản chung: Chị V Th X và anh K V C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 8 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh K V C có hộ khẩu thường trú tại Bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị V Th X và bị đơn anh K V C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An..

[2] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu có tại hồ sơ có đủ căn cứ xác định chị V Th X và anh K V C chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2009. Tại thời điểm chung sống chị X và anh C đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng sau đó các đương sự thừa nhận đã ly thân một thời gian từ cuối năm 2019 đến nay, trong giai đoạn xét xử Toà án đã giải thích động viên các đương sự nếu thật sự đang còn yêu thương nhau thì có quyền đăng ký kết hôn quá hạn tại cơ quan có thẩm quyền nhưng vẫn không thực hiện, như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng. Thực tế hai người đã đã sống ly thân, không quan tâm nhau về mọi mặt trong cuộc sống nên căn cứ điều 9, điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và bị đơn.

[3] Về con chung: Chị X và anh C có 02 con chung là cháu K T M C, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2010 và cháu K H Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012. Nay Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận của chị X và anh C và tôn trọng sự lựa chọn của các con chung anh, chị theo đó: Cháu K T M Chi do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu K H Đ do anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh C và chị X đều không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị V Th X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị V Th X và anh K V C là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Kh Th M Ch, sinh ngày 23/12/2010 cho chị V Th X trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Kh H Đ, sinh ngày 09/9/2012 cho anh K V C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C, chị X. Chị X, anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cảm trở.

3. Về án phí: Chị V Th X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0000476 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22 tháng 4 năm 2020.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Lam